TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐT** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm Nhân dân: ông Nguyễn Văn Bẩy và ông Trần Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh là Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã ĐT tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thị xã ĐT tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thuý L, sinh năm 1994, địa chỉ khu ĐL, phường HP, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ thôn DD, xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thuý L *trình bày có nội dung:*

- *Về tình trạng hôn nhân:* chị Bùi Thuý L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, ngày 08/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn DD, xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống hạnh phúc được bốn năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách hai người trái ngược nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có con chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị L và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chị L và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung. Quá trình sinh sống cùng gia đình chồng, chị L không có đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình chồng nên nay ly hôn chị L không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản.

Ngoài các yêu cầu trên, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Xác minh tại địa phương trưởng thôn DD, xã BD, thị xã ĐT nơi chị L và anh T sinh sống cho biết: chị L và anh T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã BD, thị xã ĐT. Sau khi kết hôn chị L và anh T về sinh sống tại thôn DD, xã BD, thị xã ĐT. Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được, chị L và anh T sống ly thân nhau đã lâu, hai vợ chồng không có con chung. Khi ly thân anh T vẫn sinh sống tại thôn DD còn chị L về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại khu ĐL, phường HP, thị xã ĐT. Nay, chị L xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ anh T cho biết: anh T và chị L có quan hệ vợ chồng, hai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Hai vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả gì. Nay gia đình có nguyện vọng Tòa án giải quyết dứt điểm ly hôn cho chị L và anh T để ổn định cuộc sống hai bên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thuý L giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do, mặc dù đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thuý L về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân thị xã ĐT.

[1]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã ĐT thụ lý và giải quyết vụ án Ly hôn số: 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021, giữa nguyên đơn chị Bùi Thuý L, sinh năm 1994, địa chỉ khu ĐL, phường HP, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh với bị đơn anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ thôn DD, xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị L có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nên Tòa án Nhân dân thị xã ĐT tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Bùi Thuý L và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, gây ra những bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có con chung và đã ly thân nhau kể từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án. Cho nên, xác định anh T cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành để về đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh T không có con chung nên không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung:* chị L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:*

Chị Bùi Thuý L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1.1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thuý L. Xử cho chị Bùi Thuý L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: chị L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Bùi Thuý L phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009097 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thuý L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt, thông báo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã ĐT;
-Chi cục THADS thị xã ĐT;
-UBND xã BD, thị xã ĐT (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường